

Số: /2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số nội dung, biện pháp hỗ trợ khác  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 290/TTr-SNNMT-CCQLĐĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số nội dung, biện pháp hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung, biện pháp hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày        tháng        năm 2026.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Khánh Hòa;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hòa Nam**

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung, biện pháp hỗ trợ khác  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2026/QĐ-UBND  
ngày      tháng      năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thực hiện quy định nội dung, biện pháp hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 4, điểm c khoản 9, khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai (Nghị quyết số 254/2025/QH15); khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai (Nghị định số 49/2026/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Hỗ trợ khác quy định trong Quy định này là ngoài chính sách hỗ trợ đã được quy định cụ thể theo Luật Đất đai năm 2024 (Luật Đất đai), Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Nghị định số 88/2024/NĐ-CP), được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Nghị định số 226/2025/NĐ-CP).
2. Tạm cư trong Quy định này là chính sách bố trí chỗ ở tạm thời bằng nhà ở hoặc bằng tiền để người bị thu hồi đất có chỗ ở tạm thời trong thời gian chờ Nhà nước bố trí tái định cư theo quy định.

3. Địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi là việc Nhà nước giải quyết giao đất ở, nhà ở tái định cư cho người bị thu hồi đất đủ điều kiện tái định cư theo quy định để xây dựng nhà ở, để ở ngoài địa bàn cấp xã nơi có đất bị thu hồi.

## **Chương II**

### **HỖ TRỢ**

#### **Điều 4. Hỗ trợ tạm cư theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15**

Hộ gia đình, cá nhân có đất ở thu hồi để thực hiện các dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15, đủ điều kiện bố trí tái định cư nhưng phải thực hiện thu hồi đất trước khi bố trí tái định cư thì được hỗ trợ tạm cư với thời gian và kinh phí như sau:

1. Trường hợp cá nhân hoặc hộ gia đình có không quá 04 thành viên có đất thu hồi tại địa bàn phường, được bố trí tái định cư bằng hình thức giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà bằng mức 7.000.000 (bảy triệu) đồng/tháng/hộ gia đình, cá nhân.

2. Trường hợp cá nhân hoặc hộ gia đình có không quá 04 thành viên có đất thu hồi tại địa bàn xã, đặc khu được bố trí tái định cư bằng hình thức giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà bằng mức 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/hộ gia đình, cá nhân.

3. Trường hợp hộ gia đình có trên 04 thành viên thì được hỗ trợ thêm 10% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này cho 01 thành viên tăng thêm.

4. Thời gian hỗ trợ: tính từ ngày di chuyển chỗ ở đến ngày cắm mốc giao đất tái định cư tại thực địa cộng (+) thêm 05 tháng để xây dựng nhà ở đối với trường hợp bố trí tái định cư bằng hình thức giao đất ở tái định cư; tính từ ngày di chuyển chỗ ở đến ngày nhận nhà ở tái định cư đối với trường hợp bố trí tái định cư bằng hình thức giao nhà ở tái định cư. Trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai (mưa, bão, lũ), dịch bệnh kéo dài..., không đảm bảo tiến độ xây dựng nhà ở trong 05 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nguyên nhân quyết định hỗ trợ thêm theo thực tế cho từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 5. Bố trí tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15.**

1. Thời gian và kinh phí bố trí tái định cư: Trường hợp đủ điều kiện tái định cư và bố trí tái định cư ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất bị thu hồi thì được hỗ trợ tạm cư theo thời gian và mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Tổ chức thực hiện bố trí tái định cư: Khu tái định cư có thể bố trí cho một hoặc nhiều dự án, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư để bảo đảm chủ động trong việc bố trí tái định cư cho

người có đất thu hồi. Trường hợp phải bố trí tái định cư tại địa bàn hành chính cấp xã khác thì ưu tiên bố trí tại địa bàn cấp xã có điều kiện tương đương với địa bàn có đất thu hồi. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác định điều kiện tái định cư, phê duyệt phương án bố trí tái định cư, gửi hồ sơ và phương án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có Khu tái định cư để lập thủ tục giao đất cho đối tượng tái định cư.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm làm việc, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có Khu tái định cư về số lượng, vị trí khu tái định cư. Trường hợp chưa thống nhất thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 6. Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP**

1. Hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bồi thường về đất, nhưng thực tế có tham gia sản xuất nông nghiệp trên đất thu hồi thì được hỗ trợ ổn định đời sống với mức hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Cá nhân tính hỗ trợ tại khoản 1 Điều này là người thực tế đang sinh sống tại địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi. Nhân khẩu tính hỗ trợ tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Người có đăng ký thường trú tại địa phương nơi có đất thu hồi.

b) Trẻ sơ sinh từ 60 ngày tuổi trở xuống, là con của những người/thành viên hộ gia đình có đất thu hồi nhưng chưa đăng ký thường trú.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, học tập (tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Dạy nghề), chấp hành xong hình phạt tù hoặc cải tạo.

3. Không hỗ trợ ổn định đời sống đối với người mới đăng ký thường trú sau ngày có Thông báo thu hồi đất, trừ điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

4. Mức hỗ trợ ổn định đời sống theo mức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP cho mỗi nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá do Sở Tài chính thông báo giá gạo tẻ thường bình quân 06 tháng đầu năm hoặc 06 tháng cuối năm;

5. Đối với hộ gia đình, cá nhân xâm canh tại địa phương khác (không phải là cán bộ, công chức, viên chức): nếu địa phương nơi có đất bị thu hồi xác nhận hộ gia đình, cá nhân đó trực tiếp canh tác nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi, không sử dụng đất vào mục đích khác ngoài mục đích sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ như các hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

6. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác

xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ, bằng 70% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

### **Chương III**

### **HỖ TRỢ KHÁC**

**Điều 7. Hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 12, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP**

1. Hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bao gồm trường hợp sử dụng đất ổn định từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày ban hành thông báo thu hồi đất, thì được hỗ trợ bằng 70 % giá đất bồi thường cùng vị trí và loại đất bị thu hồi.

2. Hỗ trợ khi thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bao gồm trường hợp sử dụng đất ổn định từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày ban hành thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng 70 % giá đất bồi thường cùng vị trí và loại đất bị thu hồi.

#### **Điều 8. Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 70% mức bồi thường quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhà ở, công trình xây dựng sau thời điểm Thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường chi phí di chuyển theo quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

4. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thuộc đối tượng được bố trí vào nhà ở tạm hoặc phải thuê nhà trong khi chờ giao đất hoặc nhà tái định cư thì được hỗ trợ di chuyển

từ nơi ở tạm về nơi ở tái định cư bằng mức quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 9. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ngoài mức hỗ trợ quy định tại Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND còn được hỗ trợ thêm 02 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất hiện hành.

2. Trường hợp bị thu hồi đất nông nghiệp không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc thì được hỗ trợ bằng 50 % mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 10. Hỗ trợ đối với trường hợp không được bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 105 của Luật Đất đai.**

Căn cứ nguyên tắc bồi thường quy định tại khoản 3 Điều 91 của Luật Đất đai, chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật dân sự mà bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường thiệt hại; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh phải ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ để quy định mức hỗ trợ đối với trường hợp không được bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 105 của Luật Đất đai như sau:

1. Đối với loại công trình vật kiến trúc của hộ gia đình, cá nhân thuộc hạng mục tường rào, bờ kè, móng trụ để bảo vệ khuôn viên thửa đất được tính hỗ trợ bằng mức bồi thường 100% đơn giá xây dựng mới tính bồi thường của loại công trình vật kiến trúc đó;

2. Đối với loại công trình vật kiến trúc của hộ gia đình, cá nhân có kết cấu dạng mái, trụ đỡ là nhà ở, mái che, công trình phụ phục vụ mục đích để ở và sinh hoạt có tính chất sử dụng thường xuyên của hộ gia đình, cá nhân, mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá xây dựng mới tính bồi thường của loại công trình vật kiến trúc đó;

3. Đối với loại công trình, vật kiến trúc khác của hộ gia đình, cá nhân không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét từng trường hợp cụ thể để giải quyết, mức hỗ trợ tối đa không quá 70% đơn giá xây dựng mới tính bồi thường của loại công trình vật kiến trúc đó.

4. Đối với công trình, vật kiến trúc của tổ chức, mức hỗ trợ được giải quyết bằng 50% giá trị hiện có của loại công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất thu hồi. Việc xác định giá trị hiện có thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Không xem xét hỗ trợ nhà ở, công trình, vật kiến trúc được tạo lập trong thời hạn hiệu lực của thông báo thu hồi đất.

### **Điều 11. Hỗ trợ cây trồng**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng được bồi thường thiệt hại cây trồng đúng mật độ theo quy định; phần cây trồng vượt mật độ thì được hỗ trợ 80% giá trị cây trồng theo Bảng giá Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

### **Điều 12. Hỗ trợ kinh phí chỉnh lý biến động do thu hồi đất một phần diện tích thửa đất**

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định mà bị thu hồi một phần diện tích đất đang sử dụng thì được hỗ trợ kinh phí đo vẽ, chỉnh lý biến động đất đai trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định của Luật Đất đai. Mức hỗ trợ căn cứ theo diện tích đất còn lại; đơn giá đo vẽ, phí và lệ phí chỉnh lý hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiền hỗ trợ kinh phí chỉnh lý biến động được phê duyệt trong phương án bồi thường hỗ trợ và chi trả cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện chỉnh lý biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Sau khi hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm chuyển Giấy chứng nhận của người bị thu hồi đất cho cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động đất đai theo quy định của Luật Đất đai để chỉnh lý biến động kịp thời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao lại cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao trả cho người sử dụng đất.

### **Điều 13. Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất**

Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ, thực hiện theo Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND thì UBND cấp xã căn cứ thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Đất đai, đã được ủy quyền tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế việc ủy quyền hoặc văn bản phân cấp (nếu có) đồng thời căn cứ vào Đơn giá bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với ao đầm và Đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại thời điểm phê duyệt đề giải quyết phù hợp theo quy định. Mức hỗ trợ không vượt quá mức bồi thường.

### **Điều 14. Hỗ trợ tạm cư trong thời gian chờ bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 Quyết định này**

Người có đất ở thu hồi không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 Quy định này hoặc người có đất bị thu hồi đủ điều kiện bố trí đất ở tại Khu tái định cư theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 111 của Luật Đất đai thì được hỗ trợ tạm cư bằng mức hỗ trợ tại Điều 4 Quy định này.

### **Điều 15. Hỗ trợ khen thưởng**

1. Trường hợp thu hồi đất để thực hiện các dự án quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai thì ngoài mức khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND còn được khen thưởng thêm 3.000.000 (ba triệu) đồng/trường hợp.

2. Trường hợp thu hồi đất không thuộc các dự án quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai, bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định thì được khen thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ. Mức khen thưởng tối đa không vượt quá 8.000.000 (tám triệu) đồng/trường hợp; Trường hợp số tiền khen thưởng thấp hơn 1.000.000 (một triệu) thì được khen thưởng là 1.000.000 (một triệu) đồng/ trường hợp.

3. Hỗ trợ khen thưởng được áp dụng cho một dự án bị ảnh hưởng, trường hợp ảnh hưởng nhiều dự án thì được hỗ trợ khen thưởng theo từng dự án.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm thực hiện, phối hợp**

1. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, cung cấp hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, xác nhận tình trạng sử dụng đất trên thực tế, quá trình quản lý, biến động đất đai tại địa phương; phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các cơ quan có liên quan xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi.

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Nghị quyết số 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành

thì tiếp tục thực hiện theo chính sách đã được phê duyệt tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trường hợp đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau ngày Nghị quyết số 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được áp dụng chính sách hỗ trợ tại Quyết định này. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Quyết định này để giải quyết bảo đảm cho người bị thu hồi đất theo quy định.

3. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.